

Số: /SYT-NVYD

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2025

V/v hướng dẫn đăng ký khám bệnh,  
chữa bệnh ban đầu và chuyển người  
bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT trên  
địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày  
13/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 51/2024/QH15  
ngày 27/11/2024; Luật khám bệnh, chữa bệnh (KCB) số 15/2023/QH15 ngày  
09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ  
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy  
định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB (Thông tư số 14/2014/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy  
định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (Thông tư số  
01/2025/TT-BYT).

Sở Y tế hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu  
và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên  
địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026, như sau:

## **I. ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU:**

### **1. Nguyên tắc phân bổ số lượng thẻ bảo hiểm y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu**

a) Bảo đảm cân đối, phù hợp với nhu cầu KBCB BHYT ban đầu của  
người dân và quy định tại Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

b) Phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở KBCB BHYT về chăm sóc  
sức khỏe ban đầu, KBCB đa khoa và xử trí cấp cứu ban đầu, số lượt khám bệnh,  
chữa bệnh, chuyển cơ sở KBCB hằng năm, số lượt khám trên 01 bàn khám trong  
01 ngày, điều kiện hoạt động về cơ sở vật chất, nhân lực, cung ứng thuốc, trang  
thiết bị theo quy định của pháp luật về KBCB, quy mô giường bệnh (nếu có) và  
quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

c) Phù hợp với khả năng thực tế bao gồm:

- Cân đối với số lượng cơ sở KBCB BHYT, giữa các cơ sở KBCB BHYT trong từng cấp chuyên môn kỹ thuật và giữa các cấp chuyên môn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

- Ưu tiên phân bổ thẻ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu;

- Cân đối, hợp lý về cơ cấu các nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

## **2. Điều kiện phân bổ thẻ BHYT**

- Đã ký hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Đối với các cơ sở phát sinh mới trong năm, căn cứ vào điều kiện thực tế sau khi ký hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm xã hội, Sở Y tế sẽ phân bổ thẻ theo quy định.

*(Có phụ lục dự kiến số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB kèm theo Công văn này).*

## **II. QUY ĐỊNH CHUYÊN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**

### **1. Nguyên tắc chung:**

- Người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT và Thông tư số 01/2025/TT- BYT của Bộ Y tế.

- Đối với danh mục các bệnh được quy định tại Phụ lục I, II, III, IV được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

### **2. Một số quy định cụ thể:**

**2.1.** Chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu (*Trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực, Phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa*) đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản và cấp chuyên sâu (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh*) trong một số trường hợp sau<sup>1</sup>:

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa đối với các trường hợp đã có sổ theo dõi điều trị bệnh tâm thần (*chưa được quy định tại Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

<sup>1</sup> Theo quy định tại điểm b, khoản 1 điều 5, Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Chuyển người bệnh đã được chẩn đoán xác định ung thư tới các cơ sở có chuyên khoa Ung thư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng Trung ương đối với các trường hợp bệnh nhân được chẩn đoán xác định cần phục hồi chức năng, lắp dụng cụ trợ giúp hỗ trợ vận động cho bệnh nhân tàn tật, dị tật... (*chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

## **2.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu**

**2.2.1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu** (*trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh*):

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*).

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật của đơn vị được chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng (*trước ngày 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến trung ương*) theo quy định.

**2.2.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản** (*trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh*):

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*).

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện hoặc tương đương tuyến huyện*).

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật của đơn vị được chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng (*trước*

ngày 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến trung ương) theo quy định.

**2.2.3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản** (trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện):

- Tiếp nhận bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế đến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu (cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh).

**2.3. Bệnh viện 71 Trung ương, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng trung ương:**

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu (đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh).

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu (đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện hoặc tương đương tuyến huyện).

**2.4. Bệnh viện Đa khoa Ngọc Lặc** là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)

Tiếp nhận người bệnh có thẻ BHYT trên địa bàn các xã thuộc huyện Ngọc Lặc cũ bao gồm: Ngọc Lặc, Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ và một số xã giáp danh có khoảng từ xã đến Bệnh viện Đa khoa Ngọc Lặc gần hơn đến Bệnh viện gần nhất bao gồm: Cẩm Vân, Cẩm Thạch, Lương Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Yên Phú, Quý Lộc đến khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện mà không cần phải thực hiện quy định về chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**2.5. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu**

**2.5.1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu trước ngày 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tương đương tuyến huyện** (Phòng khám đa khoa, Phòng khám đa khoa khu vực, phòng khám chuyên khoa).

Khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh chữa bệnh cấp cơ bản.

**2.5.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu trước ngày 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến xã (Trạm y tế xã/phường)**

Khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyên người bệnh đến các cơ sở khám bệnh chữa bệnh cấp cơ bản (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

2. Nhiệm vụ của các đơn vị

*a) Sở Y tế*

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh rà soát, điều chỉnh số lượng thẻ bảo hiểm y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cần thiết để bảo đảm quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT hoặc khi người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký mới hoặc yêu cầu thay đổi đăng ký cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu.

- Thông báo công khai số lượng thẻ bảo hiểm y tế đã phân bổ cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

*b) Bảo hiểm xã hội tỉnh*

- Tổ chức cho người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

- Định kỳ cuối tháng đầu tiên của mỗi quý (31/01, 30/4, 31/7, 31/10 hàng năm), Bảo hiểm xã hội tỉnh thông báo thông tin về số lượng thẻ mà các đối tượng đã đăng ký tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về Sở Y tế để tổng hợp, kịp thời rà soát, điều chỉnh số lượng thẻ bảo hiểm y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cần thiết.

*c) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế*

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

- Bảo đảm đầy đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, các quy định của Thông tư số 01/2025/TT-BYT và pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế.

- Công khai kết quả xếp cấp chuyên môn kỹ thuật kèm theo số điểm trên Trang thông tin điện tử của cơ sở và tại nơi đón tiếp người bệnh.

- Tư vấn, hướng dẫn cho người tham gia bảo hiểm y tế về các bệnh được đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu mà không phải thực hiện thủ tục chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong danh mục quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT khi người bệnh tự đến khám bệnh, chữa bệnh để bảo đảm quyền lợi của người bệnh.

- Tập huấn, hướng dẫn, quán triệt người hành nghề và nhân viên y tế về cách ghi mã bệnh, tên bệnh theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

Sở Y tế đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế gửi văn bản về Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế./

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- SYT các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- GD sở, các PGĐ Sở ( để báo cáo);
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh;
- Website: Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD<sup>Phước HN</sup>

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Thái Hòa**

**PHỤ LỤC**  
**DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG THẺ BHYT ĐĂNG KÝ KCB BHYT BAN ĐẦU NĂM 2026**

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Dự kiến số lượng thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2026	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
1	38050	Bệnh viện đa khoa Bá Thước	15.000	1.000	500	7.500	6.000	0
2	38738	Phòng khám đa khoa Lương Điền	7.000	600	500	3.500	1.400	1.000
3	38792	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Bá Thước	78.213	2.510	760	43.293	26.730	4.920
4	38180	Bệnh viện đa khoa Hà Trung	32.000	7.000	2.000	9.000	10.000	4.000
5	38734	Bệnh viện đa khoa ACA	15.000	2.000	2.000	3.300	4.700	3.000
6	38787	Phòng khám đa khoa Hồng Phát	9.000	1.000	1.000	1.700	3.300	2.000
7	38793	Phòng khám đa khoa Mai Thanh	8.000	1.000	1.000	2.200	2.800	1.000
8	38020	Bệnh viện đa khoa Bim Sơn và các TYT thuộc TTYT Bim Sơn	36.000	13.000	4.000	5.900	11.100	2.000
9	38819	Phòng khám đa khoa Thủ Đô	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
10	38778	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Hà Trung	78.380	13.710	2.173	19.137	29.820	13.540
11	38100	Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy	20.000	4.000	1.000	8.000	6.000	1.000
12	38722	Phòng khám đa khoa Giang Sơn	7.000	1.000	1.000	3.100	900	1.000
13	38779	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Cẩm Thủy	85.339	5.640	1.519	20.240	35.010	22.930
14	38190	Bệnh viện đa khoa Hoàng Hóa (bao gồm Phòng khám đa khoa Hoàng Kim)	58.000	11.000	5.000	15.000	15.000	12.000
15	38721	Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng	22.000	2.000	1.300	5.700	8.000	5.000
16	38736	Bệnh viện đa khoa Medic Hải Tiến	18.000	4.000	1.500	3.000	4.000	5.500
17	38766	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Hoàng Hóa	107.834	4.310	1.517	31.837	39.680	30.490
18	38040	Bệnh viện đa khoa Quan Hóa	10.000	1.500	500	6.100	1.900	0

19	38782	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Quan Hóa	33.898	830	303	24.655	6.930	1.180
20	38110	Bệnh viện đa khoa Thạch Thành	20.000	4.000	2.000	9.300	4.700	
21	38130	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc	30.000	3.000	2.500	10.500	14.000	
22	38712	Phòng khám đa khoa Tâm Tài	8.000	1.000	1.000	2.100	1.900	2.000
23	38789	Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội	7.000	1.000	500	2.100	900	2.500
24	38823	Phòng khám đa khoa Đức Cường	5.000	1.000	500	1.000	1.000	1.500
25	38771	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Thạch Thành	98.282	7.000	500	26.442	44.590	19.750
26	38785	TYT xã thuộc Trung tâm y tế Vĩnh Lộc	53.282	4.540	115	12.867	20.500	15.260
27	38220	Bệnh viện đa khoa Quảng Xương	50.000	6.000	3.000	21.100	13.900	6.000
28	38715	Phòng khám đa khoa 123	7.000	1.000	500	1.100	1.900	2.500
29	38726	Phòng khám đa khoa 90	7.000	1.000	500	1.100	1.900	2.500
30	38788	Phòng khám đa khoa An Phúc	8.000	1.000	500	1.200	2.800	2.500
31	38767	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Quảng Xương	122.966	8.500	1.454	24.882	44.170	43.960
32	38270	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	10.000	1.200	100	8.700	0	0
33	38780	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Mường Lát	28.007	550	90	26.217	1.070	80
34	38200	Bệnh viện đa khoa Nga Sơn	55.500	6.650	2.000	17.300	17.550	12.000
35	38210	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc (bao gồm Phòng khám đa khoa khu vực Minh Lộc)	51.000	6.000	2.000	21.100	16.900	5.000
36	38724	Phòng khám đa khoa Thành Đạt	7.400	1.000	1.000	1.800	1.900	1.700
37	38743	Phòng khám đa khoa Đại An	6.500	1.000	1.000	1.100	1.400	2.000
38	38756	Phòng khám đa khoa Medic Hậu Lộc	6.500	1.000	1.000	1.100	1.400	2.000
39	38777	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Hậu Lộc	88.200	4.628	1.925	24.997	46.350	10.300
40	38783	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Nga Sơn	51.292	4.372	1.000	11.400	27.940	6.580
41	38080	Bệnh viện đa khoa Lang Chánh	9.000	1.000	500	5.000	2.000	500

42	38090	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	23.000	2.000	1.000	13.500	4.500	2.000
43	38731	Phòng khám đa khoa An Phước 68	5.500	1.000	500	1.500	500	2.000
44	38772	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Lang Chánh	31.000	3.000	500	5.100	16.560	5.840
45	38773	TYT xã và PKĐK thuộc Trung tâm Y tế Ngọc Lặc	74.637	4.230	2.443	14.544	42.620	10.800
46	38250	Bệnh viện đa khoa Như Thanh	25.000	6.000	900	12.300	4.700	1.100
47	38799	Bệnh viện Y dược cổ truyền An Khang	10.000	1.000	500	3.200	3.300	2.000
48	38784	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Như Thanh	69.104	4.680	593	22.821	40.250	760
49	38070	Bệnh viện đa khoa Như Xuân (bao gồm Phòng khám đa khoa Xuân Bình)	12.000	1.000	500	7.600	900	2.000
50	38754	Phòng khám đa khoa Nhung Hiếu	8.000	500	500	1.100	1.900	4.000
51	38794	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Như Xuân	53.762	1.930	749	27.193	18.660	5.230
52	38160	Bệnh viện đa khoa Nông Công	48.750	16.000	1.500	16.550	11.700	3.000
53	38720	Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan	34.250	4.310	1.000	12.900	14.040	2.000
54	38716	Phòng khám đa khoa Hà Nội	6.250	1.000	1.000	1.100	1.650	1.500
55	38735	Phòng khám đa khoa An Khang	6.250	1.000	1.000	1.100	1.650	1.500
56	38758	Phòng khám đa khoa Minh Thọ	6.250	1.000	1.000	1.100	1.650	1.500
57	38807	Phòng khám đa khoa Yên Mỹ	6.250	1.000	500	1.100	1.650	2.000
58	38765	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Nông Công	61.285	2.000	649	7.996	49.120	1.520
59	38260	Bệnh viện đa khoa Quan Sơn và các TYT thuộc TTYT Quan Sơn	35.701	1.940	547	20.944	11.170	1.100
60	38030	Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn	43.400	7.000	1.000	13.400	5.640	16.360
61	38034	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung Ương	15.000	2.000	500	2.800	4.700	5.000
62	38797	Phòng khám đa khoa Medic Sầm Sơn	6.000	1.000	500	1.200	1.800	1.500

63	38776	TYT xã, phường thuộc Trung tâm Y tế Sầm Sơn	85.647	7.730	1.165	33.252	17.500	26.000
64	38120	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân (bao gồm Phòng khám đa khoa Xuân Lai)	60.000	8.000	3.000	22.000	17.000	10.000
65	38757	Phòng khám đa khoa Lam Sơn	7.000	2.000	1.000	2.100	900	1.000
66	38795	Phòng khám đa khoa Phú Nam	7.000	2.000	1.000	1.100	900	2.000
67	38811	Phòng khám đa khoa Sao Vàng	5.000	1.000	1.000	1.100	900	1.000
68	38815	Phòng khám đa khoa Việt Nga	5.000	1.000	1.000	1.100	900	1.000
69	38801	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Thọ Xuân	126.447	10.330	3.665	25.892	63.130	23.430
70	38060	Bệnh viện đa khoa Thường Xuân	17.000	3.000	800	6.400	5.800	1.000
71	38768	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Thường Xuân	56.499	5.100	899	20.130	25.690	4.680
72	38230	Bệnh viện đa khoa Nghi Sơn	60.000	20.000	2.000	23.000	14.000	1.000
73	38748	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực	40.000	1.000	1.000	25.500	6.500	6.000
74	38740	Phòng khám đa khoa Việt Pháp III	8.000	1.000	1.000	1.100	1.900	3.000
75	38798	Phòng khám đa khoa Nam Sơn	7.000	1.000	1.000	1.100	1.900	2.000
76	38808	Phòng khám đa khoa 108 Tâm Phúc	5.000	1.000	500	1.100	900	1.500
77	38775	TYT xã, phường thuộc Trung tâm Y tế Nghi Sơn	123.306	21.570	1.153	12.473	64.160	23.950
78	38150	Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn	54.500	17.830	2.000	14.400	10.270	10.000
79	38240	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	44.500	6.000	1.000	12.500	12.000	13.000
80	38749	Bệnh viện đa khoa Đại An	18.500	2.000	1.000	6.200	4.300	5.000
81	38812	Bệnh viện đa khoa An Việt	18.500	1.000	1.000	1.500	6.500	8.500
82	38711	Phòng khám đa khoa An Việt	9.200	1.000	1.000	2.100	1.900	3.200
83	38817	Phòng khám đa khoa Dân Lực	5.000	1.000	1.000	1.100	900	1.000
84	38770	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Triệu Sơn	96.015	5.000	4.000	15.705	41.310	30.000
85	38781	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Thiệu Hóa	53.902	3.000	1.301	11.111	18.230	20.260

86	38140	Bệnh viện đa khoa Yên Định	52.000	15.000	4.000	15.500	7.500	10.000
87	38732	Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành	32.000	5.000	1.500	8.800	7.500	9.200
88	38786	Phòng khám đa khoa Medic Yên Định	7.000	1.000	1.000	1.200	2.800	1.000
89	38810	Phòng khám đa khoa Trung tâm	7.000	1.000	1.000	700	2.800	1.500
90	38763	TYT xã thuộc Trung tâm Y tế Yên Định	99.875	13.450	1.686	27.029	34.880	22.830
91	38010	Bệnh viện đa khoa Hạc Thành	48.000	13.000	5.000	3.600	12.100	14.300
92	38170	Bệnh viện đa khoa Đông Sơn	19.000	2.000	1.000	5.200	4.800	6.000
93	38280	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	26.000	15.000	6.000	5.000		
94	38281	Bệnh viện 71 Trung ương	35.000	14.000	6.000	3.300	5.700	6.000
95	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hóa	45.000			45.000		
96	38289	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	65.000	21.000	3.600	6.300	19.700	15.400
97	38725	Bệnh viện đa khoa Thanh Hà	25.000	9.000	4.000	3.200	2.800	6.000
98	38733	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	30.000	11.000	3.000	1.400	8.600	6.000
99	38742	Bệnh viện Công An tỉnh Thanh Hóa	4.428			4.428		
100	38802	Bệnh viện đa khoa Đức Thiện	20.000	5.000	2.000	2.500	7.000	3.500
101	38003	Phòng khám đa khoa y học lâm sàng trực thuộc Trường Cao đẳng y tế Thanh Hóa	4.000	1.500				2.500
102	38700	Phòng khám đa khoa 95 Lê Hoàn trực thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa 95 Lê Hoàn	9.000	4.000	500	600	900	3.000
103	38710	Phòng khám đa khoa 246	8.000	3.000	500	100	1.900	2.500
104	38730	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa	2.000	1.000	0	0	0	1.000
105	38739	Phòng khám đa khoa Tâm An	8.000	3.000	500	100	1.900	2.500
106	38746	Phòng khám đa khoa An Bình	8.000	3.000	500	100	1.900	2.500

107	38750	Phòng khám đa khoa 246 - Cơ sở 2	9.000	3.000	500	600	900	4.000
108	38751	Phòng khám đa khoa Đoàn Dung	8.000	3.000	1.000	200	2.000	1.800
109	38816	Phòng khám đa khoa Sao Khuê (thuộc Công ty Cổ phần TAT8)	5.000	1.000	1.000	1.100	900	1.000
110	38764	TYT xã, phường thuộc Trung tâm Y tế Hạc Thành	155.726	22.940	14.586	8.510	50.620	59.070
		<b>Tổng:</b>	<b>3.602.027</b>	<b>500.580</b>	<b>160.992</b>	<b>1.021.045</b>	<b>1.215.390</b>	<b>704.020</b>